

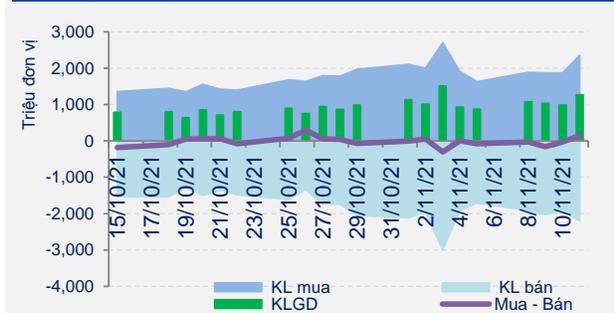
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,462.35	438.73
% Thay đổi	↓ -0.18%	↑ 0.11%
KLGD (CP)	1,265,880,252	190,436,848
GTGD (tỷ đồng)	38,174.53	4,737.25
Tổng cung (CP)	2,206,300,800	237,923,200
Tổng cầu (CP)	2,350,625,700	240,578,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	55,416,882	1,834,618
KL mua (CP)	27,205,202	687,300
GT mua (tỷ đồng)	1,156.33	25.02
GT bán (tỷ đồng)	2,366.00	35.24
GT ròng (tỷ đồng)	(1,209.67)	(10.22)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.61%	24.3	3.8	1.4%
Công nghiệp	↑ 0.88%	23.8	3.1	14.5%
Dầu khí	↑ 1.41%	20.9	2.2	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.98%	-	6.3	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.06%	18.1	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.06%	23.3	4.1	9.7%
Ngân hàng	↓ -0.71%	11.5	2.3	13.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.69%	12.3	2.9	18.9%
Tài chính	↑ 0.16%	19.8	3.4	33.9%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.67%	17.6	3.1	2.0%
VN - Index	↓ -0.18%	17.3	3.0	
HNX - Index	↑ 0.11%	24.4	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 2,67 điểm (-0,18%) xuống 1.462,35 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE nghiêng về tích cực với 263 mã tăng, 37 mã tham chiếu, 239 mã giảm. HNX-Index tăng 0,49 điểm (+0,11%) lên 438,73 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 174 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 100 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.399 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 40.548 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc chỉ số VN30 (-0,62%) tiếp tục có sự phân hóa khiến thị trường giao dịch với trạng thái giằng co trong phiên hôm nay với bên giảm là các mã như STB (-2,6%), HPG (-2,4%), TPB (-2,3%), BVH (-2%), VRE (-1,9%), CTG (-1,7%), MBB (-1,7%), POW (-1,5%), VHM (-1,3%), ACB (-1,2%), GAS (-1,2%), SSI (-1,2%), HDB (-1,1%), SAB (-1,1%), FPT (-1%)... và bên tăng là các mã như KDH (+3,1%), PDR (+3%), MWG (+2,7%), PLX (+2,6%), GVR (+1,9%), PNJ (+1,5%), NVL (+1,4%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng bị bán mạnh và phần lớn đều kết phiên trong sắc đỏ, chỉ có SHB (+1,1%), VCB (+0,7%), EIB (+1,5%), PGB (+5,3%) là giữ được sắc xanh. Nhóm cổ phiếu bất động sản tiếp tục thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, có thể kể đến như KBC (+4,1%), DIG (+6,9%), FLC (+5,4%), NLG (+6,9%), LDG (+5,1%), CII (+6,9%), NDN (+8,9%), ITA (+6,8%)... Nhóm cổ phiếu than cũng bứt phá với hàng loạt mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần như TDN (+9,3%), TVD (+9,5%), CST (+10,9%), TC6 (+9,9%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường biến động mạnh trong phiên hôm nay và chỉ số hồi phục tốt khi kết phiên giảm nhẹ 0,18% dù đã có lúc giảm 1,08%. Thanh khoản đạt mức cao thứ 2 trong lịch sử (chỉ thấp hơn phiên 3/11) cho thấy bên mua và bên bán vẫn đang giằng co mạnh ở vùng giá hiện tại. Trên góc nhìn kỹ thuật, ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 đã được test thành công trong phiên hôm nay cho thấy lực cầu giá thấp vẫn là tương đối tốt và xu hướng tăng của thị trường vẫn được bảo toàn. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì thị trường có thể cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 12/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên hôm nay khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu có những nhịp test lại hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 11/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.472,89 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.449,18 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 2,67 điểm (-0,18%) xuống 1.462,35 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG giảm 1.300 đồng, VHM giảm 1.100 đồng, GAS giảm 1.400 đồng. Ở chiều ngược lại, GVR tăng 800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 440,76 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ dưới áp lực bán gia tăng, với mức thấp nhất trong phiên tại 432,98 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,49 điểm (+0,11%) lên 438,73 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: L14 tăng 23.600 đồng, IPA tăng 8.100 đồng, CEO tăng 1.600 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 800 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.209,43 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 27,3 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 294,7 tỷ đồng tương ứng với 5,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 151,2 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, KDH là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 54,4 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 10,32 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,1 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 13,1 tỷ đồng tương ứng với 723 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NDN với 3,4 tỷ đồng tương ứng với 139 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,2 tỷ đồng tương ứng với 22 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng: Dự báo tăng GDP 6-6.5% năm 2022 dựa theo kịch bản kiểm soát dịch

Chiều 11/11, Quốc hội tiếp tục phiên chất vấn và trả lời chất vấn với phần đăng đàn của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên. Kết hợp với diễn biến trong phiên thì có thể thấy là áp lực bán ra khá mạnh nhưng lực cầu bắt đáy quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 vẫn là đủ tốt để thu hẹp mức giảm của thị trường.

Chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua được vùng đỉnh cũ trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ với thanh khoản cao và diễn biến hồi phục khá tốt hôm nay thì có thể thấy là xu hướng tăng của VN-Index vẫn chưa hề có sự thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng điểm cao hơn trong thời gian tới là hoàn toàn có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ tiếp tục lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 12/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

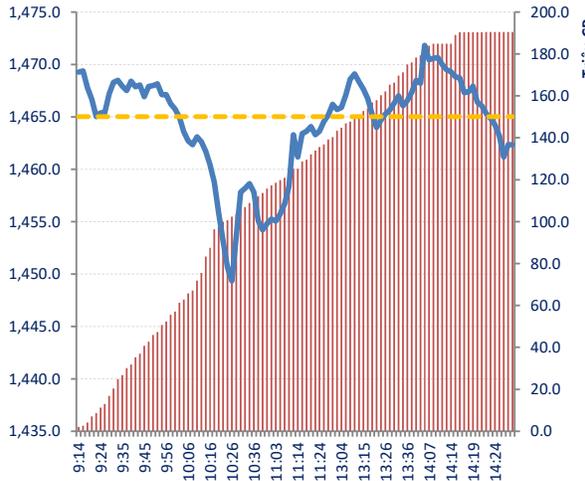
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,05 - 59,75 triệu đồng/lượng, tăng 250.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 5 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng ngày 11/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.105 VND/USD, tăng 5 đồng so với phiên giao dịch ngày hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

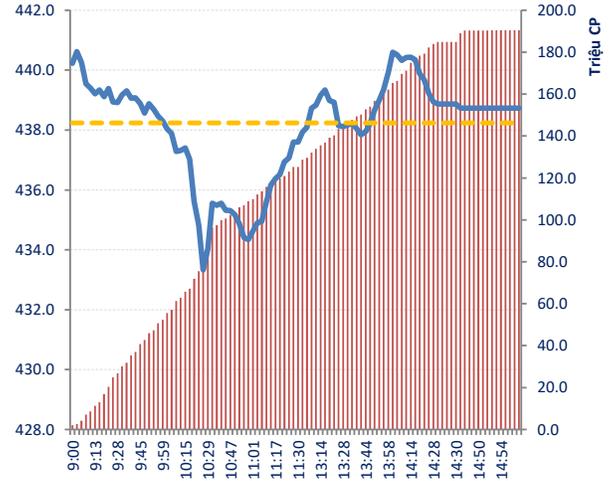
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 14,85 USD/ounce tương ứng với 0,8% lên 1.863,15 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,164 điểm tương ứng 0,17% lên 95,002 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1468 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3387 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,04 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,09 USD/thùng tương ứng với 0,11% xuống 81,25 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 10/11, Dow Jones giảm 240,04 điểm tương đương 0,66% xuống 36.079,94 điểm. Nasdaq giảm 263,84 điểm tương đương 1,66% xuống 15.622,71 điểm. Nasdaq Composite giảm 38,54 điểm tương đương 0,82% xuống 4.646,71 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



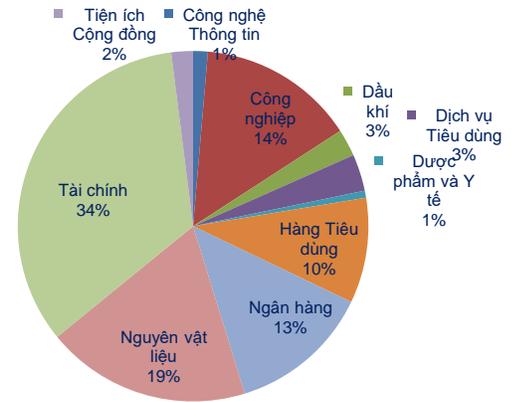
KLGD và HNX-Index trong phiên



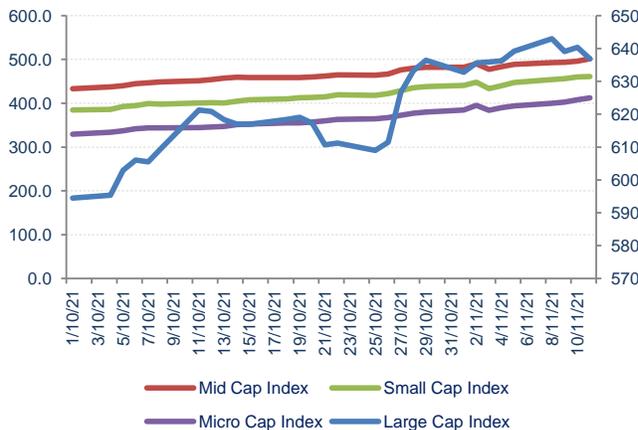
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



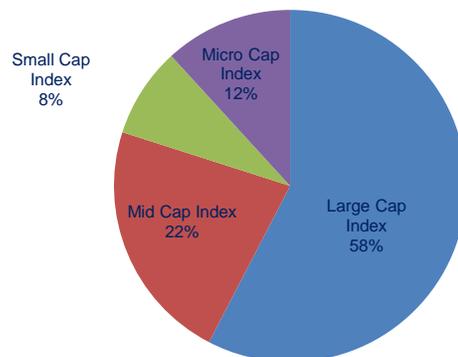
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KDH	1,096,400	HPG	5,423,800
2	GEG	869,000	DXG	3,331,800
3	HAG	696,400	GEX	3,138,800
4	E1VFN30	454,500	VRE	1,952,000
5	HNG	444,800	VHM	1,845,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	101,900	CEO	723,418
2	BCC	82,000	MBG	196,700
3	BVS	54,700	NDN	138,800
4	VTV	23,200	VIG	121,100
5	THD	22,300	HUT	108,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	55.30	54.00	↓ -2.35%	54,612,800
GEX	37.85	38.30	↑ 1.19%	39,426,300
HAG	6.70	7.13	↑ 6.42%	38,787,400
FLC	13.00	13.70	↑ 5.38%	38,735,200
LDG	12.85	13.50	↑ 5.06%	34,798,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NDN	23.60	25.70	↑ 8.90%	13,238,870
CEO	16.50	18.10	↑ 9.70%	13,161,534
SHS	43.70	43.70	→ 0.00%	11,821,040
PVS	31.10	30.50	↓ -1.93%	11,709,804
KLF	5.70	5.90	↑ 3.51%	9,984,673

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HU3	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%
HHS	9.44	10.10	0.66	↑ 6.99%
CTI	19.30	20.65	1.35	↑ 6.99%
GEG	20.75	22.20	1.45	↑ 6.99%
SFI	73.10	78.20	5.10	↑ 6.98%

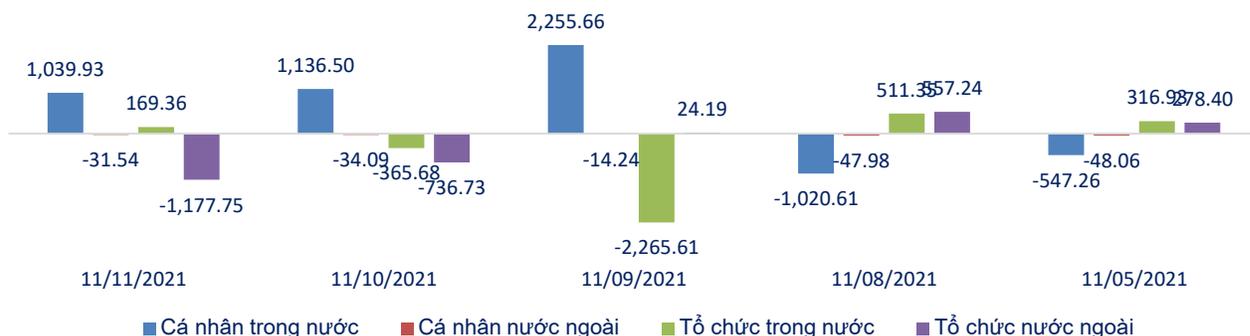
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC9	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
VC7	29.00	31.90	2.90	↑ 10.00%
SDU	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
L14	236.50	260.10	23.60	↑ 9.98%
VDL	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMD	43.05	40.05	-3.00	↓ -6.97%
LGC	53.10	49.70	-3.40	↓ -6.40%
BTT	49.00	46.00	-3.00	↓ -6.12%
SMA	11.05	10.60	-0.45	↓ -4.07%
MSB	24.55	23.60	-0.95	↓ -3.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LBE	29.00	26.10	-2.90	↓ -10.00%
VXB	27.90	25.20	-2.70	↓ -9.68%
L61	9.00	8.20	-0.80	↓ -8.89%
QHD	40.70	37.10	-3.60	↓ -8.85%
PMB	21.30	19.50	-1.80	↓ -8.45%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	221.68	3.4%	1,009	38.3	1.3
VND	153.62	34.3%	5,039	13.8	3.2
GEX	150.98	8.6%	1,978	19.1	1.5
HPG	124.95	44.7%	7,085	7.8	2.9
VHM	103.96	38.3%	8,968	9.2	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-78.79	21.3%	4,965	10.4	2.1
DBC	-72.20	21.6%	8,515	8.0	1.6
EIB	-66.18	5.7%	792	32.8	1.8
VCB	-56.87	20.4%	5,696	17.1	3.3
FPT	-49.31	20.4%	4,436	21.9	4.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	5.57	19.2%	2,783	15.8	2.8
HPG	3.10	44.7%	7,085	7.8	2.9
HNG	2.69	0.7%	51	169.1	1.2
TMS	2.40	18.0%	5,178	16.5	3.1
GEX	1.90	8.6%	1,978	19.1	1.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-10.31	N/A	N/A	N/A	N/A
HQC	-4.21	0.1%	9	603.0	0.6
HBC	-3.24	2.2%	370	64.1	1.3
VIC	-2.98	2.9%	1,111	85.4	2.2
GVR	-2.64	10.5%	1,372	30.0	3.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	169.88	44.7%	7,085	7.8	2.9
TCB	78.79	21.3%	4,965	10.4	2.1
SSI	69.54	16.5%	2,068	21.6	2.6
EIB	67.96	5.7%	792	32.8	1.8
VNM	52.50	31.0%	5,037	17.8	5.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PAN	-220.09	3.4%	1,009	38.3	1.3
NBB	-82.79	28.3%	6,432	6.8	2.3
DGC	-58.48	29.1%	7,717	20.2	5.2
MWG	-44.59	24.6%	6,071	21.7	5.0
VND	-41.92	34.3%	5,039	13.8	3.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	53.79	13.4%	1,895	25.5	3.2
DBC	22.31	21.6%	8,515	8.0	1.6
GEG	18.90	7.6%	926	22.4	1.8
VCI	15.38	24.5%	3,456	21.2	4.6
VHC	15.26	14.7%	4,396	15.2	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-297.92	44.7%	7,085	7.8	2.9
VHM	-151.22	38.3%	8,968	9.2	3.0
GEX	-124.17	8.6%	1,978	19.1	1.5
VND	-110.33	34.3%	5,039	13.8	3.2
DXG	-87.88	7.5%	1,406	18.8	1.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	54,612,800	44.7%	7,085	7.8	2.9
GEX	39,426,300	3250.0%	1,978	19.1	1.5
HAG	38,787,400	-18.4%	(1,220)	-	1.3
FLC	38,735,200	13.1%	1,967	6.6	0.9
LDG	34,798,600	1.0%	134	96.0	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NDN	13,238,870	28.9%	3,986	5.9	1.6
CEO	13,161,534	-4.7%	(606)	-	1.3
SHS	11,821,040	25.5%	3,288	13.3	2.1
PVS	11,709,804	4.6%	1,238	25.1	1.1
KLF	9,984,673	0.1%	6	938.0	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HU3	↑ 7.0%	0.8%	118	84.4	0.7
HHS	↑ 7.0%	4.7%	715	13.2	0.7
CTI	↑ 7.0%	3.2%	787	24.5	0.8
GEG	↑ 7.0%	7.6%	926	22.4	1.8
SFI	↑ 7.0%	19.0%	7,134	10.2	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC9	↑ 10.0%	-67.4%	(7,560)	-	1.7
VC7	↑ 10.0%	1.8%	182	159.1	2.6
SDU	↑ 10.0%	0.0%	8	1,341.8	0.6
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	119.0	14.4
VDL	↑ 10.0%	3.0%	416	50.7	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	1,096,400	13.4%	1,895	25.5	3.2
GEG	869,000	7.6%	926	22.4	1.8
HAG	696,400	-18.4%	(1,220)	-	1.3
V1VFN3	454,500	N/A	N/A	N/A	N/A
HNG	444,800	0.7%	51	169.1	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	101,900	4.6%	1,238	25.1	1.1
BCC	82,000	7.5%	1,297	19.6	1.4
BVS	54,700	12.1%	3,244	12.1	1.4
VTV	23,200	0.4%	57	173.6	0.8
THD	22,300	25.2%	4,694	50.0	14.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	361,986	20.4%	5,696	17.1	3.3
VIC	361,115	2.9%	1,111	85.4	2.2
VHM	359,671	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	247,353	44.7%	7,085	7.8	2.9
GAS	230,440	16.9%	4,384	27.5	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	82,110	25.2%	4,694	50.0	14.2
IDC	28,500	11.8%	1,805	52.6	6.1
KSF	20,910	8.8%	774	90.1	3.5
VCS	19,520	41.5%	11,163	10.9	4.1
BAB	16,946	8.6%	979	23.0	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.66	0.1%	11	888.5	1.0
HAI	2.63	0.7%	87	81.4	0.6
SCR	2.62	5.5%	740	22.8	1.2
DRH	2.28	2.1%	292	82.8	1.7
VOS	2.23	54.5%	2,573	8.9	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	2.31	2.9%	300	63.6	1.8
KLF	2.17	0.1%	6	938.0	0.5
APS	2.17	22.8%	1,828	23.9	3.9
HHG	2.09	-26.1%	(1,987)	-	0.9
WSS	2.05	8.7%	885	14.2	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
